

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG



THIỆT THỰC-HIỆU QUẢ-HÀI HÒA

**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Luật**

Tên tiếng Anh: **Laws**

Mã ngành : **7380101**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Hình thức đào tạo: **Tập trung**

*(Ban hành theo Quyết định số 527/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 9 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

Tiền Giang, năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	3
1. Thông tin về khoa quản lý chương trình đào tạo	3
2. Thông tin về chương trình đào tạo	3
2.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo	3
2.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo	4
3. Chuẩn đầu vào.....	4
4. Cấp bằng tốt nghiệp	4
PHẦN II: MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	4
1. Mục tiêu cụ thể	4
2. Chuẩn đầu ra	5
2.1. Kiến thức.....	5
2.2. Kỹ năng.....	6
2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm.....	6
3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	6
PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	6
1. Cấu trúc chương trình đào tạo	6
2. Khung chương trình đào tạo.....	7
3. Mô tả học phần:.....	11
4. Sơ đồ đào tạo toàn khóa học	38
5. Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	38
6. Hình thức học tập và phương pháp giảng dạy.....	39
7. Phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập.....	39
8. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo.....	40
9. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo.....	45
10. Thông tin cập nhật	46

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH LUẬT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 527/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 9 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin về khoa quản lý chương trình đào tạo

- Khoa Kinh tế - Luật (KTL) tiền thân là Khoa Kinh tế - Xã hội được thành lập vào năm 2005 theo Quyết định số 24/QĐ-ĐHTG ngày 31/10/2005. Đến năm 2015, Khoa Kinh tế - Xã hội đổi tên thành theo Quyết định số 615/QĐ-ĐHTG ngày 26/10/2015. Khoa Kinh tế - Luật có 05 bộ môn (BM):

- + BM Kế toán - Tài chính;
- + BM Quản trị kinh doanh;
- + BM Kinh tế;
- + BM Luật;
- + BM Du lịch.

- Chức năng, nhiệm vụ của Khoa KTL được quy định tại Mục 1.6 Điều 4 Quyết định số 70/QĐ-ĐHTG ngày 19/01/2016 của Hiệu Trưởng Trường ĐHTG quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và BM trực thuộc Trường ĐHTG như sau:

- Tổ chức, quản lý giảng dạy các HP chung thuộc kiến thức pháp luật đại cương và các HP khối kinh tế, luật của các ngành khác.

- Đào tạo bậc ĐH, CĐ các ngành thuộc khối ngành kinh tế, tài chính, luật, du lịch. Đào tạo và hợp tác đào tạo sau ĐH các ngành thuộc khoa quản lý (nếu đủ điều kiện).

- Tổ chức thực hiện các hoạt động KH&CN, hợp tác quốc tế.

- Tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng.

- Xây dựng các điều kiện đảm bảo chất lượng giảng dạy khối kiến thức do khoa đảm trách.

2. Thông tin về chương trình đào tạo

2.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo

- Tên chương trình đào tạo: Đại học Luật

- Tên ngành:

+ Tiếng Việt: **Luật**

+ Tiếng Anh: **Laws**

- Mã ngành: 7380101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt: **Cử nhân Luật**
- + Tiếng Anh: **Bachelor of Laws**
- Tham khảo đối sánh chương trình đào tạo:
- + Chương trình đào tạo đại học ngành Luật Trường Đại học Đà Lạt,
- + Chương trình đào tạo đại học ngành Luật Kinh tế Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp,
- + Chương trình đào tạo đại học ngành Luật Kinh tế Trường Đại học Kinh tế.

2.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo

Đào tạo người học có kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội; có kiến thức toàn diện từ lý thuyết đến thực tiễn hệ thống pháp luật Việt Nam; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp vững chắc; có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm; có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có năng lực tự học, tự chủ, tự chịu trách nhiệm; có các kỹ năng mềm cần thiết để phát hiện, giải quyết những vấn đề trong công việc, cuộc sống.

3. Chuẩn đầu vào

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non ban hành theo Quyết định số 19/QĐ-ĐHTG ngày 12/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

4. Cấp bằng tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định về đào tạo trình độ đại học, cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên theo phương thức tích lũy tín chỉ của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 430/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

PHẦN II: MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu cụ thể

1.1. Kiến thức

PO01: Vận dụng kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, tin học, ngoại ngữ để phục vụ cho học tập, nghiên cứu, giao tiếp.

PO02: Vận dụng kiến thức cơ sở và chuyên ngành để tham gia giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực pháp lý.

1.2. Kỹ năng

PO03: Có kỹ năng giải quyết vấn đề trong lĩnh vực pháp lý một cách khoa

học, mang lại hiệu quả cao.

PO04: Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực pháp lý

PO05: Có kỹ năng mềm để làm việc trong các môi trường làm việc khác nhau; có kỹ năng sử dụng Tiếng Anh trong giao tiếp và trong công việc chuyên môn.

1.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PO06: Có thái độ đúng đắn, ý thức trách nhiệm cao, tác phong làm việc khoa học, có phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp.

PO07: Có năng lực tự chủ, tự học suốt đời; có khả năng giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; có kế hoạch điều phối, đánh giá và cải thiện hiệu quả công việc.

PO08: Có ý thức học tập và rèn luyện để nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức mới trong quá trình hội nhập quốc tế để đáp ứng tốt yêu cầu công việc.

1.4. Vị trí nghề nghiệp

- *Chuyên viên* làm việc tại các cơ quan nhà nước; cơ quan Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội.

- *Nhân viên bộ phận pháp chế hoặc nhân sự* tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế;

- *Nhân viên tư vấn pháp lý, trợ lý pháp luật* tại các đơn vị cung cấp dịch vụ pháp lý như văn phòng công chứng, văn phòng luật sư, công ty luật, văn phòng thừa phát lại.

- *Giảng dạy* và nghiên cứu các lĩnh vực chuyên sâu thuộc lĩnh vực pháp luật tại các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp.

1.5. Phát triển nghề nghiệp, học tập nâng cao trình độ

- Tiếp tục học tập nâng cao và hoàn chỉnh kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ về các chuyên ngành thuộc lĩnh vực luật học;

- Tiếp tục học để có thể được bổ nhiệm các chức danh tư pháp;

- Đủ năng lực để nghiên cứu chuyên sâu về khoa học pháp lý cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

K01: Áp dụng được những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị vào cuộc sống cũng như nghề nghiệp.

K02: Vận dụng được kiến thức cơ sở, kiến thức pháp luật chuyên ngành để áp dụng trong thực tế.

K03: Vận dụng được kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức hoạt động pháp luật thực tế để tham gia, tư vấn, bào chữa các tranh chấp phát sinh và giám sát các hoạt động liên quan đến pháp luật của các chủ thể.

K04: Vận dụng được kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn liên quan đến pháp luật để quản lý, điều hành các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức kinh tế - xã hội.

2.2. Kỹ năng

S01: Kỹ năng giải quyết vấn đề.

S02: Kỹ năng ngoại ngữ

S03: Kỹ năng làm việc nhóm.

S04: Kỹ năng giao tiếp.

S05: Kỹ năng thực hành nghề luật.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

A01: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ xác định trong lĩnh vực pháp lý.

A02: Lập kế hoạch điều phối, đánh giá và cải thiện hiệu quả công việc.

A03: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn trong lĩnh vực pháp lý và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

A04: Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn và trách nhiệm với cộng đồng.

3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra												
	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
	K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03	A04
PO01	x												
PO02		x	x	x									
PO03					x								
PO04									x				
PO05						x	x	x					
PO06													x
PO07										x	x		
PO08												x	

Ghi chú: dấu (x) thể hiện chuẩn đầu ra đáp ứng mục tiêu.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

1.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Tổng số tín chỉ (TC) của chương trình: **163**

- Tổng số TC phải tích lũy tối thiểu : **123**

(Không tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh và các học phần điều kiện General English 1, General English 2).

1.2. Cấu trúc chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu			Tỷ lệ (%)
		Bắt buộc	Tự chọn	Toàn bộ	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	32	2	34	27,6
2	Kiến thức cơ sở ngành	27	2	29	23,6
3	Kiến thức ngành	32	10	42	34,2
4	Kiến thức chuyên sâu/ Bổ trợ	8	4	12	9,8
5	Chuyên đề cuối khóa/ Khóa luận		6	6	4,8
Tổng cộng		99	24	123	100%

2. Khung chương trình đào tạo

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT+ (MHP)
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLTT	
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương									
1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh							11	11	
00033	Triết học Mác-Lênin	45					3	3	
01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	30					2	2	00033+
02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	30					2	2	01202+
03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30					2	2	02112+
03022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	30					2	2	03212+
1.2. Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật							10	6	
00202	Logic học	30					2	2	00033+
73552	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực xã hội	30					2	2	
Chọn tự do 1 (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
05022	Cơ sở văn hóa Việt Nam A	30					2	2	
05462	Tiếng Việt thực hành A	15	30				2		
15062	Tâm lý học đại cương	15	30				2		
1.3. Ngoại ngữ									
1.3.1. Học phần điều kiện (*)							6	6*	
08004	General English 1	60					4	4*	
08012	General English 2	30					2	2*	08004
1.3.2. Học phần tích lũy							12	12	

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT+ (MHP)
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLTT	
08024	English1	60					4	4	08012
08034	English2	60					4	4	08024+
08044	English 3	60					4	4	08034+
1.4. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Môi trường							5	5	
11902	Con người và môi trường	30					2	2	
30053	Tin học ứng dụng cơ bản	15		60			3	3	
1.5. Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)									
1.5.1. Giáo dục thể chất							9	3*	
12371	Thể dục và điền kinh			30			1	1*	
Chọn tự do 2 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12391	Bóng chuyền 1			30			1	1*	12371+
12401	Cầu lông 1			30			1		12371+
12271	Đá cầu 1			30			1		12371+
12411	Bóng rổ 1			30			1		12371+
Chọn tự do 3 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12441	Bóng chuyền 2			30			1	1*	12391+
12481	Cầu lông 2			30			1		12401+
12281	Đá cầu 2			30			1		12271+
12461	Bóng rổ 2			30			1		12411+
1.5.2. Giáo dục quốc phòng và an ninh							165 tiết*		
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục đại cương							38	34	
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
2.1. Cơ sở ngành							35	29	
71102	Lý luận Nhà nước và pháp luật 1	30					2	2	
71112	Lý luận Nhà nước và pháp luật 2	30					2	2	
71292	Luật Hiến pháp 1	30					2	2	
71302	Luật Hiến pháp 2	30					2	2	71292+
71022	Kỹ thuật xây dựng văn bản	15	30				2	2	
71733	Luật Hành chính	30	30				3	3	71112+
71483	Luật Dân sự 1	30	30				3	3	71112+
71503	Luật Hình sự 1	30	30				3	3	71112+
71493	Luật Dân sự 2	30	30				3	3	71483+
71513	Luật Hình sự 2	30	30				3	3	71503+
71532	Luật Thương mại 1	30					2	2	71112+

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT+ (MHP)
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLTT	
Chọn tự do 4 (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
71732	Pháp luật về thương mại điện tử	30					2	2	
71792	Luật quốc tế về quyền con người	30					2		
71772	Luật Hiến pháp nước ngoài	30					2		
71322	Luật học so sánh	30					2		
2.2. Ngành							52	42	
71542	Luật Thương mại 2	30					2	2	71532+
71552	Luật Thương mại 3	30					2	2	71542+
71642	Luật Hôn nhân và Gia đình	15	30				2	2	
71193	Luật Lao động	30	30				3	3	
71263	Luật Đất đai	30	30				3	3	71493+
71272	Luật Môi trường	30					2	2	
71573	Luật Tổ tụng hành chính	30	30				3	3	71733+
71582	Luật Tổ tụng dân sự 1	15	30				2	2	71493+
71592	Luật Tổ tụng dân sự 2	15	30				2	2	71582+
71602	Luật Tổ tụng hình sự 1	15	30				2	2	71513+
71612	Luật Tổ tụng hình sự 2	15	30				2	2	71602+
71683	Thanh tra và khiếu nại, tố cáo	30	30				3	3	71733+
71652	Công pháp quốc tế	30					2	2	
71662	Tư pháp quốc tế	30					2	2	
Chọn tự do 5 (tích lũy tối thiểu 10 TC)									
71622	Luật Tài chính	30					2	10	
71632	Luật Ngân hàng	30					2		
71822	Luật cạnh tranh	30					2		
71692	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	30					2		71532+
71672	Luật Thương mại quốc tế	30					2		71532+
31632	Chuyên đổi số	15	30				2		
71522	Tội phạm học	30					2		71513+
71802	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	30					2		71532+
71742	Luật Sở hữu trí tuệ	30					2		
71882	Thuật ngữ pháp lý	30					2		

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT+ (MHP)
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLTT	
2.3. Bổ trợ							24	12	
71342	Công tác hộ tịch	15	30				2	2	
71432	Công tác thi hành án dân sự	15	30				2	2	71612+
71462	Công chứng, chứng thực	15	30				2	2	
71712	Công tác hòa giải - tuyên truyền pháp luật	15	30				2	2	
Chọn tự do 6 (tích lũy tối thiểu 4 TC)									
71812	Nghiệp vụ thư ký Tòa án	15	30				2	4	
67192	Quản trị hành chính văn phòng	15	30				2		
71452	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	15	30				2		71493+
67422	Khởi nghiệp kinh doanh	15	30				2		
71752	Pháp chế doanh nghiệp	15	30				2		71552+
71032	Kỹ năng giao tiếp công vụ và điều hành công sở	15	30				2		
71762	Kỹ năng giải quyết các vụ án dân sự	15	30				2		71493+
71782	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế	15	30				2		71672+
2.4. Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận							14	6	
Chọn định hướng (Chọn 1 trong 2 nhóm)									
Nhóm 1 (tích lũy tối thiểu 6 TC)									
71844	Chuyên đề cuối khóa					180	4	6	
71832	Luật Nhà ở và kinh doanh bất động sản	15	30				2		71552+
71422	Nghề luật sư và hoạt động tư vấn pháp luật	15	30				2		
Nhóm 2 (tích lũy tối thiểu 6 TC)									
71856	Khóa luận cuối khóa					360	6	6	
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							125	89	
Số tín chỉ tổng cộng: 163 TC, số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 123 TC									

Các ký hiệu và viết tắt:

(*) Học phần điều kiện: học phần sinh viên phải học và đạt để đủ điều kiện tham gia học các học phần có tích lũy điểm vào điểm trung bình chung tích lũy của khóa học (các học phần General English 1, General English 2) hoặc đủ điều kiện xét tốt nghiệp (các học phần thuộc khối kiến thức Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an

ninh). Điểm của các học phần điều kiện này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

(**) Khi cần, mã học phần thêm ký hiệu C ở cao đẳng, D ở đại học trong phần mềm hệ thống thông tin tích hợp (TGUIIS) đối với học phần General English 2, phục vụ tổ chức giảng dạy ở 2 trình độ khác nhau.

- MHP (Mã học phần): Theo Quyết định số 472/QĐ-ĐHTG ngày 02/8/2007 của Trường Đại học Tiền Giang ban hành về việc Quy định danh mục mã học phần đang giảng dạy ở Trường Đại học Tiền Giang.

- LT (Lý thuyết): Nghe giảng lý thuyết; nghe giảng phương pháp thực hành, nghe hướng dẫn thực hành, viết tiểu luận, viết khóa luận, làm đồ án ở lớp học (phòng học lý thuyết). Nghe thuyết trình, thảo luận chuyên đề (thay cho nghe GV giảng lý thuyết); tính theo tiết.

- TL (Thảo luận): Thảo luận (sau khi nghe giảng lý thuyết), giải bài tập, thực hành được tổ chức cùng loại hình lý thuyết ở lớp học lý thuyết, có GV hướng dẫn; tính theo tiết.

- TH (Thực hành): Người học thao tác thực hành ở lớp, phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, xưởng trường, cơ sở thực hành, sân bãi, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn; tính theo tiết.

- TT (Thực tập): Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); kiến tập, thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường; tính theo giờ.

- ĐA (Đồ án): Thực hiện đồ án, tiểu luận, khóa luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo, tính theo giờ. Bao gồm cả tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn.

- TS (Tổng số): Số tín chỉ của học phần, của chương trình.

- TLTT (Tích lũy tối thiểu): Số tín chỉ người học phải tích lũy đủ trong nhóm học phần của từng khối kiến thức, của chương trình.

- HPTQ (Học phần tiên quyết), ký hiệu (MHP)

- HPHT (Học phần học trước), ký hiệu (MHP)⁺

3. Mô tả học phần:

3.1. Triết học Mác-Lênin (00033)

- Số tín chỉ: 3 TC (45, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả :

Sau khi học xong học phần Triết học Mác - Lênin, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về triết học, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và vai trò của Triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; có khả năng nhận thức, phân tích và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế, chính trị, xã hội đang đặt ra trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác - Lênin.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia, *Giáo trình Triết học Mác - Lênin* (Tái bản có sửa chữa, bổ sung, 2010), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021.

3.2. Kinh tế chính trị Mác - Lê nin (01202)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin (00033)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về hàng hóa, thị trường, vai trò của các chủ thể, sản xuất giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Từ đó, người học hình thành được tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện được bản chất các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm sau khi ra trường.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành lý luận chính trị)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[3]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2006), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

3.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (02112)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 00, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Kinh tế chính trị Mác - Lênin (01202)

- Mô tả :

Sau khi học xong học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và những vấn đề chính trị - xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn và vận dụng các tri thức khoa học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị-xã hội của đất nước; hình thành thái độ, tư tưởng chính trị đúng đắn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta và ra sức học tập, rèn luyện góp phần xây dựng đất nước.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành Lý luận chính trị)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[3]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2006), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

3.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (03212)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Chủ nghĩa xã hội khoa học (03212)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh, về con đường cách mạng Việt Nam; có khả năng tư duy, phân tích, đánh giá vấn đề và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn đời sống, học tập, công tác và rèn luyện bản thân; hình thành niềm tin khoa học vào mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2010), *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, (Bộ 15 tập), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4]. Song Thành (2005), *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb. Lý luận chính trị.

3.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (02112)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh (03212)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh viên hiểu được những tri thức có tính hệ thống của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, có khả năng tư duy lý luận gắn liền với thực tiễn, vận dụng kiến thức để xem xét, đánh giá, phản biện những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước cũng như đường lối, chính sách của Đảng trong giai đoạn hiện nay; có lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với sự nghiệp cách mạng, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành lý luận chính trị), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng, (2018), *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập I, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. Viện nghiên cứu Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng, (1995) *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập II, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam(1995- 2018), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 1 đến tập 65, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam - Ban Chấp hành Trung ương - Ban Chỉ đạo tổng kết (2015), *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận- thực tiễn qua 30 năm đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

3.6. Logic học (00202)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả: Diễn giải được các kiến thức cơ bản của môn Logic học hình thức giúp cho sinh viên có căn cứ khoa học để quá trình tư duy được chính xác.

- Tài liệu tham khảo chính:

+ *Tập bài giảng Logic học* do giảng viên cung cấp, 2020.

+ *Giáo trình logic học*, NXB. Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2021.

3.7. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực xã hội học (73552)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả: Học phần hướng dẫn sinh viên tìm hiểu những vấn đề chung về nghiên cứu khoa học; quá trình thực hiện một đề tài khoa học; các phương pháp nghiên cứu khoa học; cách nhận xét, đánh giá & phản biện một đề tài khoa học; thực hành đề tài nghiên cứu khoa học gắn với chuyên ngành đào tạo.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trần Văn Thường, 2023, Tài liệu giảng dạy Phương pháp nghiên cứu khoa học, Trường ĐH Tiền Giang.

- Sách tham khảo:

[2]. Nguyễn Đức Vũ, 2019, *Giáo trình PP NCKH*, NXB Đại học Huế.

3.8. Cơ sở văn hóa Việt Nam A (05022)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam A được thiết kế giảng dạy bao gồm 06 chương: Chương I. Văn hóa học và văn hóa Việt Nam; Chương II. Văn hóa nhận thức; Chương III. Văn hóa tổ chức đời sống tập thể; Chương IV. Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân; Chương V. Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên; Chương VI. Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội.

- Tài liệu tham khảo chính: Đặng Đức Siêu (2020), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm.

3.9. Tiếng Việt thực hành A (05462)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Một số khái niệm cơ bản về thực hành văn bản tiếng Việt, từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp tiếng Việt; các kiểu văn bản, phong cách văn bản, các kiểu lập luận và câu cú; những nội dung cần lưu ý trong tiếng Việt thực hành, sử dụng tiếng mẹ đẻ.

- Tài liệu tham khảo chính: Bùi Minh Toán, Lê A... (2020), *Giáo trình Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

3.10. Tâm lý học đại cương (15062)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả: Phân tích sự phát triển tâm lý con người thông qua hoạt động, giao tiếp; Xác định sự phát triển tâm lý con người bao gồm: nhận thức, tình cảm, năng lực hành vi; sự hình thành và phát triển ý thức của con người

- Tài liệu tham khảo chính: Ngô Công Hoàn (2020), *Một số vấn đề tâm lý học về giao tiếp sư phạm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

3.11. English 1 (08024)

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần English 1, sinh viên hiểu cách dùng câu điều kiện loại 2 (second conditional), câu chỉ điều ước (I wish ...), thì quá khứ hoàn thành, câu tường thuật, và câu bị động (của thì hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành và tương lai đơn). Từ đó, sinh viên vận dụng vào làm các bài tập có liên quan để nắm rõ cách dùng. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển các kỹ năng nghe, nói và phân tích các bài đọc hiểu tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến lễ hội đặc biệt, các địa điểm tham quan du lịch, môi trường, thảm họa tự nhiên, tội phạm và sự xuất bản và rèn luyện kỹ năng viết một bài luận văn, email và một lá thư thông thường.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Student's Book*. 2nd Edition. Oxford University Press.

[2]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Workbook*. 2nd Edition. Oxford University Press.

3.12. English 2 (08034)

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: English 1 (08024)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần English 2, sinh viên hiểu cách dùng thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành,

động từ nguyên mẫu hoặc động từ tận cùng thêm -ing và mệnh đề quan hệ. Từ đó, sinh viên vận dụng vào làm các bài tập có liên quan để nắm rõ cách dùng. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển các kỹ năng nghe và phân tích bài đọc hiểu tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến quần áo, thời trang và công việc, miêu tả một bức hình, tường thuật một sự kiện và trả lời phỏng vấn xin việc. Sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng viết một lá thư thân mật, viết đơn xin việc, và tường thuật một sự việc đã xảy ra trong quá khứ.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Intermediate Student's Book*. 2nd Edition. Oxford University Press.

[2]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Intermediate Workbook*. 2nd Edition. Oxford University Press.

3.13. English 3 (08044)

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: English 2 (08044)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần English 3, sinh viên hiểu cách dùng thì hiện tại hoàn thành, hiện tại hoàn thành tiếp diễn, tương lai hoàn thành và tương lai tiếp diễn. Từ đó, sinh viên vận dụng vào làm các bài tập có liên quan để nắm rõ cách dùng. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển các kỹ năng nghe và phân tích bài đọc tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến sức khỏe, thức ăn và dinh dưỡng và nói các chủ đề về tội phạm, kế hoạch và dự định trong tương lai. Sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng viết một thông báo và một email.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Intermediate Student's Book*. 2nd Edition. Oxford University Press.

[2]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Intermediate Workbook*. 2nd Edition. Oxford University Press.

3.14. Con người và môi trường (11902)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Con người và Môi trường, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về môi trường đương đại toàn cầu, nguyên nhân và hậu quả của: sự phát triển dân số, hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên của con người, sự ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu toàn cầu; phân tích được nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, các vấn đề môi trường ở Việt Nam và trên thế giới hiện nay; hình thành thái độ tích cực về mối quan hệ tác động qua lại giữa con người và môi trường, thể hiện được ý thức và năng lực hành động trong việc bảo vệ môi trường tự nhiên, tham gia tích cực bảo vệ môi trường, vận động người khác cùng tham gia bảo vệ môi trường sống.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ môn Khoa học môi trường, Trường Đại học Tiền Giang (2014), *Tập*

bài giảng Con người và môi trường.

[2]. Đinh Đức Trường (2021), Giáo trình Môi trường và Con người. Nhà xuất bản Tài Chính.

3.15. Tin học ứng dụng cơ bản (30053)

- Số tín chỉ: 3 (15, 0, 60, 0, 0),

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Tin học ứng dụng cơ bản, sinh viên có thể vận dụng được các kỹ năng Công nghệ thông tin cơ bản theo chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin quy định tại Điều 2 Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 11 tháng 03 năm 2014 bao gồm: Hiểu biết về Công nghệ thông tin cơ bản, Sử dụng máy tính cơ bản, Xử lý văn bản cơ bản, Sử dụng bảng tính cơ bản, Sử dụng trình chiếu cơ bản và Sử dụng Internet cơ bản. Qua học phần này, sinh viên nhận biết được các năng lực số (Digital Literacy) cơ bản để giao tiếp, học tập và làm việc hiệu quả trong môi trường số.

- Tài liệu tham khảo chính: Khoa Công nghệ thông tin. *Bài giảng Tin học ứng dụng cơ bản*. Trường Đại học Tiền Giang. 2017

3.16. Thể dục và Điền kinh (12371)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Thể dục Điền kinh, sinh viên hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn Thể dục và Điền kinh; Ý nghĩa tác dụng của môn Thể dục và Điền kinh đối với người tập; 09 động tác của bài tập thể dục tay không; Các kỹ thuật nhảy dây ngắn; Nhảy cao kiểu úp bụng; Chạy đà - Giậm nhảy - Trên không qua xà - Tiếp nệm. Ngoài ra sinh viên còn được rèn luyện các bài tập bổ trợ và phát triển thể lực.

- Tài liệu tham khảo chính: Giáo trình Điền kinh, (2018)- Nguyễn Anh Tuấn- NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.

3.17. Bóng chuyền 1 (12391)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (12371)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần bóng chuyền 1, sinh viên hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn bóng chuyền; ý nghĩa tác dụng bóng chuyền đối với người tập; những kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (đệm bóng, chuyền bóng, phát bóng), sinh viên được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật bóng chuyền.

- Tài liệu tham khảo chính: Giáo trình Bóng chuyền, (2019) - Nguyễn Việt Hòa - NXB TĐTT.

3.18. Cầu lông 1 (12401)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (12371)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần cầu lông 1, sinh viên hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn cầu lông; ý nghĩa tác dụng cầu lông đối với người tập; những kỹ thuật cầu lông cơ bản; sinh viên được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật cầu lông.

- Tài liệu tham khảo chính: Giáo trình Cầu lông (2019) - Nguyễn Văn Đức - NXB TĐTT.

3.19. Đá cầu 1 (12271)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (12371)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần đá cầu 1, sinh viên hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn đá cầu; ý nghĩa tác dụng của môn đá cầu đối với người tập; kỹ thuật phát cầu; kỹ thuật tâng cầu; kỹ thuật đỡ cầu; sinh viên được rèn luyện kỹ thuật chuyên cầu.

- Tài liệu tham khảo chính: Giáo trình Đá cầu, (2021) - Đào Thị Hoa Huỳnh - NXB ĐH Thái Nguyên.

3.20. Bóng rổ 1 (12411)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (12371)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần bóng rổ 1, sinh viên hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn bóng rổ 1; ý nghĩa tác dụng bóng rổ đối với người tập; những kỹ thuật bóng rổ 1 cơ bản; sinh viên được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật bóng rổ 1.

- Tài liệu tham khảo chính: Giáo trình Bóng rổ, (2020) - Nguyễn Văn Đức - NXB TĐTT Hà Nội.

3.21. Bóng chuyền 2 (12441)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Bóng chuyền 1 (12391)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần bóng chuyền 2, sinh viên hiểu một số kiến thức cơ bản như: nắm vững luật bóng chuyền, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài; củng cố các kỹ năng cơ bản; chuyên bóng cao tay, chuyên bóng thấp tay bằng hai tay, phát bóng, đập bóng, phối hợp nhóm. Từ đó rèn luyện cho người học có thể sử dụng môn bóng chuyền làm phương tiện tập luyện nhằm nâng cao sức khỏe lâu dài.

- Tài liệu tham khảo chính: Giáo trình Bóng chuyền (2019)- Nguyễn Việt Hòa - NXB TĐTT.

3.22. Cầu lông 2 (12481)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Cầu lông 1 (12401)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần cầu lông 2, sinh viên hiểu biết khái quát về các nguyên lý kỹ thuật trong cầu lông; một số chiến thuật cơ bản; những kỹ thuật cầu lông cơ bản và nâng cao; các bài tập phát triển thể lực chuyên môn; sinh viên được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật, trọng tài và phương pháp thi đấu.

- Tài liệu tham khảo chính: Giáo trình Cầu lông, (2019) - Nguyễn Văn Đức

- NXB TDTT.

3.23. Đá cầu 2 (12281)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Đá cầu 1 (12271)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần đá cầu 2, sinh viên hiểu biết khái quát về các nguyên lý kỹ thuật trong đá cầu; một số chiến thuật cơ bản; những kỹ thuật đá cầu cơ bản và nâng cao; các bài tập phát triển thể lực chuyên môn; sinh viên rèn luyện được các kiến thức cơ bản về luật, trọng tài và phương pháp tổ chức thi đấu.

- Tài liệu tham khảo chính: Giáo trình Đá cầu, (2021)- Đào Thị Hoa Huỳnh

- NXB ĐH Thái Nguyên.

3.24. Bóng rổ 2 (12461)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Bóng rổ 1 (12411)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần bóng rổ 2, sinh viên hiểu biết khái niệm môn bóng rổ 2; ý nghĩa tác dụng đối với người tập và luyện tập thi đấu nâng cao; những kỹ thuật bóng rổ 2 cơ bản và nâng cao; sinh viên rèn luyện các kiến thức cơ bản áp dụng về luật bóng rổ vào thi đấu.

- Tài liệu tham khảo chính: Giáo trình Bóng rổ, (2020) - Nguyễn Văn Đức -

NXB TDTT Hà Nội.

3.25. Chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh (165 tiết)

Thực hiện theo chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh ban hành theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình GDQP&AN trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học

3.26. Lý luận nhà nước và pháp luật 1 (71102)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Lý luận nhà nước và pháp luật 1, sinh viên biết được các kiến thức lý luận cơ bản về nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, các kiểu nhà nước chủ nô, phong kiến, tư sản và xã hội chủ nghĩa; hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học về

các cơ quan nhà nước, hệ thống chính trị để xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, NXB Tư pháp, năm 2022.

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.27. Lý luận nhà nước và pháp luật 2 (71112)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Lý luận nhà nước và pháp luật 1, sinh viên biết được các kiến thức cơ bản về nguồn gốc, bản chất, vai trò, đặc trưng, các kiểu pháp luật trong lịch sử; hình thức pháp luật xã hội chủ nghĩa; hệ thống pháp luật. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để làm cơ sở cho các môn học pháp lý chuyên ngành; xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, NXB Tư pháp, năm 2022.

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.28. Luật Hiến pháp 1 (71292)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Lý luận nhà nước và pháp luật 2

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Luật Hiến pháp 1, sinh viên biết được lịch sử lập hiến Việt Nam, các kiến thức cơ bản về Luật Hiến pháp như: Các chế độ chính trị, chế độ kinh tế, văn hóa, xã hội, công nghệ và môi trường; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; chính sách đối ngoại, an ninh quốc phòng; về quốc tịch Việt Nam. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng được các nguyên tắc hiến định để thực thi trong thực tiễn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, NXB Tư pháp, năm 2022.

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.29. Luật Hiến pháp 2 (71302)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Hiến pháp 1

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Luật Hiến pháp 2, sinh viên biết được bộ máy nhà nước và làm rõ địa vị pháp lý của các cơ quan hiến định trong Bộ máy nhà nước Việt Nam; những kiến thức cơ bản về tổ chức và hoạt động của các thiết chế trong Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam. Biết vận dụng kiến thức học phần, đánh giá, phân tích, bình luận và xác định được hướng giải quyết những vấn đề, những sự kiện liên quan đến Luật Hiến pháp.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, NXB Tư pháp, năm 2022.

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.30. Kỹ thuật xây dựng văn bản (71022)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Kỹ thuật soạn thảo văn bản, sinh viên biết được những kiến thức cơ bản về cách thức, quy trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính. Biết liên hệ thực tiễn vận dụng kiến thức đã học, soạn thảo được một số văn bản cụ thể.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình Kỹ thuật soạn thảo văn bản*, NXB Hồng Đức, năm 2022.

[2]. Các văn pháp quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.31. Luật Hành chính (71733)

- Số tín chỉ: 3 (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Lý luận nhà nước và pháp luật 2.

- Mô tả học phần: Sau khi học xong học phần Luật Hành chính, sinh viên biết được những kiến thức cơ bản về hoạt động hành chính; quy phạm pháp luật hành chính và quan hệ pháp luật hành chính; Quy chế pháp lý của cơ quan hành chính nhà nước; Quy chế pháp lý của cán bộ, công chức, viên chức; Quy chế pháp lý của cá nhân; Quy chế pháp lý của các tổ chức xã hội; hình thức và phương pháp hành chính nhà nước; vi phạm hành chính - trách nhiệm hành chính; Quyết định hành chính; thủ tục hành chính; cưỡng chế hành chính; trách nhiệm bồi thường của nhà nước trong hoạt động hành chính và tố tụng hành chính. Biết liên hệ thực tiễn vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các tình huống về quản lý nhà nước; Biết cách bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp cho các chủ thể trong quản lý hành chính nhà nước.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, năm 2022.

[2]. Các văn pháp quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.32. Luật Dân sự 1 (71483)

- Số tín chỉ: 3 (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Lý luận nhà nước và pháp luật 2

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Luật Dân sự 1, sinh viên biết một số vấn đề cơ bản của Luật Dân sự Việt Nam; chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự; tài sản và quyền sở hữu; quyền thừa kế. Biết vận dụng được các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế liên quan đến năng lực chủ thể, quyền sở hữu, quyền thừa kế; phân chia được di sản thừa kế.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam tập 1*, NXB Tư pháp, năm 2022.

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.33. Luật Hình sự 1 (71503)

- Số tín chỉ: 3 (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Lý luận nhà nước và pháp luật 2

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Luật Hình sự 1, sinh viên biết những vấn đề chung về Luật Hình sự; tội phạm; các yếu tố cấu thành tội phạm; những tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi; các giai đoạn thực hiện tội phạm; hình phạt và các biện pháp tư pháp. Biết áp dụng để giải quyết các tình huống về tội phạm và hình phạt.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam phần chung*, NXB Hồng Đức, 2022.

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.34. Luật Thương mại 1 (71532)

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Lý luận nhà nước và pháp luật 2.

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Luật Thương mại sự 1, sinh viên biết những vấn đề chính về đặc điểm pháp lý, cơ cấu tổ chức quản lý và chế độ tài chính của các loại hình doanh nghiệp. Biết vận dụng để thành lập doanh nghiệp đúng quy định của pháp luật.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình pháp luật về chủ thể kinh doanh*, NXB Hồng Đức, năm 2023.

[2.]. Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan

3.35. Luật Dân sự 2 (71493)

- Số tín chỉ: 3 (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Dân sự 1

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học biết được: Khái niệm, đặc điểm, các loại nghĩa vụ dân sự; các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự; Khái niệm hợp đồng dân sự, hình thức, nội dung của hợp đồng dân sự, giao kết hợp đồng dân sự, thực hiện, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng dân sự; Khái niệm, nguyên tắc, năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Vận dụng các quy định của pháp luật về nghĩa vụ dân sự, bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự, hợp đồng dân sự, nghĩa vụ ngoài hợp đồng cũng như trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để giải quyết các tình huống có liên quan.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam tập 2*, NXB Tư pháp, năm 2022.

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan

3.36. Luật Hình sự 2 (71513)

- Số tín chỉ: 3 (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Hình sự 1

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học phân tích được dấu hiệu pháp lí của từng tội phạm cụ thể; Đánh giá được tính chất nguy hiểm của từng loại tội và từng trường hợp phạm tội cụ thể; So sánh được các tội phạm trong một nhóm tội cụ thể. Định tội danh được đối với từng trường hợp phạm tội cụ thể.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam phần các tội phạm, tập 1,2*, NXB Hồng Đức, 2022.

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan

3.37. Luật Thương mại 2 (71542)

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Thương mại 1

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học trình bày được khái niệm, các căn cứ áp dụng, nội dung và ý nghĩa của các chế tài thương mại; thời hạn khiếu nại thương mại. Vận dụng kiến thức về các hoạt động thương mại của thương nhân để đàm phán, soạn thảo và giao kết hợp đồng trong thương mại theo đúng quy định của pháp luật.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình pháp luật về thương mại hàng hóa dịch vụ*, NXB Hồng Đức, năm 2022.

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.38. Luật Thương mại 3 (71552)

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Thương mại 2

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học biết được khái niệm tranh chấp, các hình thức, ý nghĩa của việc giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại, các hình thức trọng tài và nguyên tắc cơ bản của tổ tụng trọng tài; ưu điểm và hạn chế của các hình thức giải quyết tranh chấp. Vận dụng kiến thức về thương mại và giải quyết tranh chấp thương mại để tham gia trực tiếp vào việc giải quyết tranh chấp thương mại.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Thương mại*, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội, năm 2020.

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.39. Luật Đất đai (71263)

- Số tín chỉ: 3 (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Dân sự 1

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học biết được các thủ tục hành chính trong quản lý, sử dụng đất đai; trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai và xử lý các vi phạm pháp luật về đất đai. Người học có các kỹ năng: đọc, hiểu, phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật đất đai, từ đó biết cách vận dụng, áp dụng các quy định của pháp luật đất đai để giải quyết các tình huống thực tế trong quản lý và sử dụng đất.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Đất đai*, NXB Công an nhân dân, năm 2020.

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.40. Luật Môi trường (71272)

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Hành chính

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học hiểu đúng những khái niệm cơ bản về môi trường tạo cơ sở cho việc tiếp cận ở mức có thể hiểu và áp dụng được các văn bản pháp quy về môi trường. Phân tích, đánh giá môi trường và các quy định của pháp luật môi trường.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Môi trường*, NXB Công an nhân dân, năm 2021.

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.41. Luật Lao động (71193)

- Số tín chỉ: 3 (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Dân sự 2

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học biết được: Khái niệm Luật Lao động; đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh và quan hệ pháp luật lao động; khái niệm về hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể và các quy định khác liên quan đến Luật Lao động. Soạn thảo được các văn bản thông dụng trong lĩnh vực lao động như: hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Lao động*, NXB Hồng Đức, TPHCM, năm 2023.

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.42. Luật Hôn nhân và Gia đình (71642)

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Dân sự 2

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học biết được những vấn đề cơ bản của ngành Luật Hôn nhân và gia đình: khái niệm, đối tượng điều chỉnh,

phương pháp điều chỉnh; vị trí của ngành Luật Hôn nhân và gia đình trong hệ thống pháp luật Việt Nam; một số vấn đề pháp lý liên quan đến lĩnh vực hôn nhân và gia đình như kết hôn, quan hệ vợ - chồng, quan hệ cha, mẹ - con, cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình, chấm dứt hôn nhân. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình; Có ý thức tích cực trong việc nghiên cứu sâu thêm về các quy định của pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam*, NXB Tư pháp, năm 2021.

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.43. Luật Tố tụng hành chính (71622)

- Số tín chỉ: 3 (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Hành chính

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học biết được các thuật ngữ pháp lý như Luật Tố tụng hành chính, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, biện pháp khẩn cấp tạm thời...; các vấn đề về thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong xét xử vụ án hành chính; từ chối, thay đổi người tiến hành tố tụng; cấp tổng đạt văn bản tố tụng; xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, xem xét lại bản án đã có hiệu lực theo thủ tục giám đốc thẩm; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hành chính. Vận dụng pháp luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án hành chính theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm, tái thẩm, giám đốc thẩm.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Tố tụng hành chính*, NXB Hồng Đức, TP. HCM, năm 2023.

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.44. Luật Tố tụng hình sự 1 (71602)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Hình sự 2

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Luật Tố tụng Hình sự 1, người học được trang bị những kiến thức về lĩnh vực tố tụng hình sự: Khái niệm, nhiệm vụ, nguyên tắc của Luật Tố tụng hình sự; cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng; chứng cứ, chứng minh và các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học tiếp cận được những vấn đề cơ bản để thực hiện trình tự tố tụng hình sự trong thực tiễn; nâng cao ý thức trách nhiệm về vai trò, trách nhiệm của người cán bộ pháp lý trong nhà nước pháp quyền, chủ động thích ứng với thay đổi của pháp luật và thực tiễn xã hội.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự*, NXB Hồng Đức, năm 2022.

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.45. Luật Tố tụng hình sự 2 (71612)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Tố tụng hình sự 1

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Luật Tố tụng Hình sự 2, người học được trang bị kiến thức cơ bản về các giai đoạn của tố tụng hình sự như: Khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học có khả năng tiếp cận, tiến hành thực hiện đúng trình tự tố tụng hình sự trong thực tiễn; nâng cao ý thức trách nhiệm về vai trò, trách nhiệm của người cán bộ pháp lý trong nhà nước pháp quyền, chủ động thích ứng với thay đổi của pháp luật và thực tiễn xã hội.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự*, NXB Hồng Đức, năm 2021.

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.46. Luật Tố tụng Dân sự 1 (71582)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Điều kiện học phần:

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Học phần học trước: Luật Dân sự 2

+ Học phần song hành: Không

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Luật Tố tụng Dân sự 1, người học được trang bị những kiến thức về lĩnh vực tố tụng dân sự: Khái niệm và một số nguyên tắc cơ bản của Luật Tố tụng dân sự; chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự; thẩm quyền của tòa án nhân dân; án phí, lệ phí trong tố tụng dân sự; chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học tiếp cận được những vấn đề cơ bản để thực hiện trình tự tố tụng dân sự trong thực tiễn; nâng cao ý thức trách nhiệm về vai trò, trách nhiệm của người cán bộ pháp lý trong nhà nước pháp quyền, chủ động thích ứng với thay đổi của pháp luật và thực tiễn xã hội.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Tố tụng dân sự*, NXB Hồng Đức, năm 2022.

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.47. Luật Tố tụng Dân sự 2 (71592)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Tố tụng Dân sự 1

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Luật Tố tụng Dân sự 2, người học được trang bị kiến thức cơ bản về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo trình tự sơ thẩm, phúc thẩm, xem xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học có khả năng tiếp cận, tiến hành thực hiện đúng trình tự tố tụng dân sự trong thực tiễn; nâng cao ý thức trách nhiệm về vai trò, trách nhiệm của người cán bộ pháp lý trong nhà nước pháp quyền, chủ động thích ứng với thay đổi của pháp luật và thực tiễn xã hội.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Tố tụng dân sự*, NXB Hồng Đức, năm 2022.

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.48. Thanh tra và khiếu nại tố cáo (71683)

- Số tín chỉ: 3 (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Hành chính

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Thanh tra và khiếu nại tố cáo, người học được trang bị kiến thức cơ bản về hoạt động thanh tra; khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo; về công tác phòng chống tham nhũng. Nội dung học phần có 04 chương: Những kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn hoạt động thanh tra, khiếu nại, tố cáo; pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo; về công tác phòng chống tham nhũng. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học có thể trở thành chủ thể thực thi công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; tham gia công tác phòng chống tham nhũng. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức của nhân dân trong việc bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình và nâng cao nhận thức về công tác phòng chống tham nhũng; nâng cao ý thức trách nhiệm về vai trò, trách nhiệm của người cán bộ pháp lý trong nhà nước pháp quyền, chủ động thích ứng với thay đổi của pháp luật và thực tiễn xã hội.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, *Tập bài giảng Pháp luật Thanh tra, khiếu nại và tố cáo*, NXB Hồng Đức, năm 2020.

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.49. Công pháp quốc tế (71652)

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Công pháp quốc tế, người học được trang bị kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật quốc tế. Học phần gồm 07 chương, đề cập đến những nội dung cơ bản về luật quốc tế như: Khái niệm về luật quốc tế; nguồn của luật quốc tế; các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế; quốc gia và dân cư; nội dung về luật ngoại giao và lãnh sự; tranh chấp quốc tế và cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học có khả năng nhận biết, lý giải các vấn đề thuộc quan hệ công pháp quốc tế; nhận định được các tranh chấp và cơ chế giải quyết quốc tế; có ý thức

bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của quốc gia và dân cư trên cơ sở pháp luật quốc tế; tích cực đấu tranh bảo vệ công lý.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Công pháp quốc tế*, NXB Hồng Đức, năm 2023.

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.50. Tư pháp quốc tế (71662)

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Tư pháp quốc tế, người học được trang bị những kiến thức khái quát về lĩnh vực tư pháp quốc tế. Nội dung của học phần bao gồm: Tổng quan về tư pháp quốc tế; xung đột pháp luật và áp dụng pháp luật nước ngoài; xung đột thẩm quyền trong tư pháp quốc tế; công nhận và thi hành bản án nước ngoài, quyết định của trọng tài nước ngoài; quyền sở hữu và thừa kế trong tư pháp quốc tế; hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong tư pháp quốc tế; hôn nhân và gia đình trong tư pháp quốc tế; quyền sở hữu trí tuệ trong tư pháp quốc tế; lao động trong tư pháp quốc tế. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học có khả năng nhận định, xác định phương thức giải quyết các tranh chấp, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của chủ thể trong quan hệ tư pháp quốc tế; tích cực nâng cao trình độ nhận thức về các vấn đề của tư pháp quốc tế trong bối cảnh hội nhập; chủ động vận dụng các kiến thức đã học trong phân tích và giải quyết các vấn đề của tư pháp quốc tế Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Tư pháp quốc tế*, NXB Hồng Đức, năm 2022.

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.51. Luật Tài chính (71622)

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Luật Tài chính, người học biết được các nội dung cơ bản của pháp luật về ngân sách và thuế. Học phần gồm 2 phần: Phần 1 - Pháp luật về ngân sách (bao gồm các chương: khái quát pháp luật về ngân sách nhà nước, chu trình ngân sách nhà nước, chế độ pháp lý về các khoản thu ngân sách nhà nước, chế độ pháp lý về các khoản chi ngân sách nhà nước). Phần 2 - Pháp luật về thuế (bao gồm các chương: khái quát về thuế và pháp luật thuế, các sắc thuế chủ yếu hiện hành theo pháp luật Việt Nam). Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học biết liên hệ thực tiễn vận dụng kiến thức pháp luật để quản lý đối với lĩnh vực ngân sách và thuế; thể hiện được ý thức và trách nhiệm của công dân đối với nhà nước trong lĩnh vực tài chính nói chung.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Ngân sách nhà nước*, NXB Công an nhân dân, năm 2022;

[2]. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật thuế*, NXB Công an nhân dân, năm 2022;

[3]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.52. Luật Ngân hàng (71632)

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Luật Ngân hàng, người học biết được khái quát quy định của pháp luật Ngân hàng. Học phần bao gồm 5 chương: Khái quát về Luật Ngân hàng và quan hệ pháp luật Ngân hàng; Vị trí pháp lý của Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Vị trí pháp lý của các Tổ chức tín dụng; pháp luật về quản lý tiền tệ và ngoại hối; Hoạt động cấp tín dụng; Pháp luật về dịch vụ thanh toán qua tổ chức cung ứng dịch vụ. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học biết liên hệ thực tiễn vận dụng kiến thức pháp luật để quản lý và thực hiện hoạt động thuộc lĩnh vực ngân hàng; thể hiện ý thức công dân, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; biết lựa chọn hành vi và khẳng định sự tự chủ của mình trong các quan hệ xã hội.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Ngân hàng*, NXB Công an nhân dân, năm 2022;

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.53. Luật cạnh tranh (71822)

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Thương mại 1

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Luật Cạnh tranh, người học biết được những nội dung chính của pháp luật về cạnh tranh bao gồm: Những vấn đề chung về Luật cạnh tranh; hành vi hạn chế cạnh tranh và hành vi cạnh tranh không lành mạnh; cơ quan quản lý cạnh tranh; hội đồng cạnh tranh; tố tụng cạnh tranh. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học thực thi được quy định pháp luật về cạnh tranh, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của chủ thể liên quan; thể hiện ý thức công dân, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; biết lựa chọn hành vi và khẳng định sự tự chủ của mình trong các quan hệ xã hội.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Cạnh tranh*, NXB Công an nhân dân, năm 2022;

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.54. Luật Sở hữu trí tuệ (71742)

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Dân sự 1

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Luật Sở hữu trí tuệ, người học được trang bị quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Học phần gồm các nội dung về

quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và việc bảo hộ các quyền đó. Người học biết vận dụng quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ trong việc xử lý các tình huống cụ thể như đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong nước và quốc tế, giải quyết các tranh chấp phát sinh liên quan đến sở hữu trí tuệ, tư vấn các vấn đề pháp lý của hợp đồng lixăng. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học thực thi quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của chủ thể về sở hữu trí tuệ.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật Tp HCM, *Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ*, NXB Hồng Đức, năm 2023.

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan

3.35. Tội phạm học (71522)

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Tố tụng Hình sự 2

- Mô tả: Học phần trang bị cho người học kiến thức khái quát về tội phạm học, bao gồm các nội dung về: khái niệm tội phạm học và vị trí của tội phạm học trong hệ thống các khoa học; các học thuyết tội phạm học trên thế giới; tình hình tội phạm; nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm; nhân thân người phạm tội; phòng ngừa tội phạm. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học có thể tham gia nghiên cứu khoa học về tội phạm học, góp phần tích cực trong công tác tuyên truyền, đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Tội phạm học*, NXB Công an nhân dân, năm 2022;

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.56. Pháp luật về thương mại điện tử (71732)

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả: Học phần trang bị cho người học kiến thức pháp luật điều chỉnh về hoạt động thương mại điện tử, bao gồm các nội dung: khái quát về thương mại điện tử, giao kết hợp đồng thương mại điện tử, chứng cứ trong thương mại điện tử. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học có thể tham gia vào hoạt động thương mại điện tử, tuyên truyền, đấu tranh phòng ngừa hành vi vi phạm trong lĩnh vực thương mại điện tử.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.57. Luật học so sánh (71322)

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả: Học phần trang bị cho người học kiến thức khái quát về luật học so sánh, bao gồm các nội dung cơ bản về: các hệ thống pháp luật cơ bản trên thế giới; khái niệm, đặc điểm, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của luật học so

sánh; những vấn đề cần lưu ý khi nghiên cứu pháp luật nước ngoài; sự hình thành và phát triển của các dòng họ pháp luật trên thế giới; nội dung các loại nguồn luật, cách thức áp dụng các loại nguồn luật trong các hệ thống pháp luật ở các nước trên thế giới; hệ thống tòa án và thẩm quyền giải quyết các vụ việc của tòa án ở một số nước trên thế giới; việc đào tạo luật và nghề luật ở một số nước trên thế giới. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học có thể tham gia nghiên cứu khoa học luật, thể hiện ý thức tôn trọng pháp luật, phản biện xây dựng, đóng góp tích cực cho việc hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật So sánh*, NXB Công an nhân dân, năm 2022;

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.58. Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán (71692)

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Thương mại 1

- Mô tả: Học phần trang bị cho người học kiến thức pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm nội dung pháp luật về: chào bán chứng khoán; tổ chức thị trường chứng khoán; chủ thể kinh doanh chứng khoán; kinh doanh chứng khoán; xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học có thể tự tin tham gia hoạt động trên lĩnh vực chứng khoán; thể hiện ý thức tôn trọng pháp luật trong hoạt động chứng khoán; phổ biến kiến thức pháp luật, góp phần phát hiện, phòng ngừa hành vi vi phạm trong hoạt động chứng khoán.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Chứng khoán*, NXB Công an nhân dân, năm 2021;

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.59. Chuyển đổi số (31632)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản và kinh nghiệm quốc tế chuyển đổi số; chuyển đổi số quốc gia và các lĩnh vực kinh tế xã hội; quá trình chuyển đổi số địa phương và chuyển đổi số doanh nghiệp tại Việt Nam. Sau khi học xong học phần, người học có thể thực hiện chuyển đổi số; tham gia vào hoạt động chuyển đổi số với tư cách là chủ thể tổ chức, điều hành chuyển đổi số, đóng góp tích cực vào hoạt động chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức mình.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Hồ Tú, Nguyễn Nhật Quang, *Chuyển đổi số*, NXB Thông tin và truyền thông, năm 2022.

[2]. Bùi Quang Tuấn, Hà Huy Ngọc, *Chuyển đổi số - Kinh nghiệm quốc tế và lộ trình cho Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, năm 2022.

3.60. Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế (71782)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Thương mại quốc tế

- Mô tả: Học phần trang bị cho người học một số kiến thức về giải quyết tranh chấp trong hoạt động thương mại quốc tế, bao gồm: khái quát về tranh chấp trong hoạt động thương mại quốc tế; cơ chế giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế giữa các quốc gia, quốc gia và thương nhân, giữa các thương nhân. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học hình thành nhận thức đúng đắn tham gia vào hoạt động thương mại quốc tế; có hình thức và biện pháp hữu hiệu bảo vệ quyền lợi của chủ thể trong hoạt động thương mại quốc tế.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế*, NXB Tư pháp, 2021.

3.61. Luật quốc tế về quyền con người (71792)

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả: Học phần trang bị cho người học kiến thức khái quát về pháp luật quốc tế về quyền con người, nội dung của học phần bao gồm những vấn đề quyền con người trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa theo quy định của pháp luật quốc tế. Người học có khả năng vận dụng được những kiến thức đã học để định hướng và xử lý một cách đúng đắn những vấn đề liên quan đến quyền con người, tôn trọng sự khác biệt để đảm bảo khả năng hội nhập, thích nghi; tham gia vào hoạt động thực hiện pháp luật về quyền con người; tuyên truyền và có đóng góp tích cực vào việc bảo đảm thực hiện, thúc đẩy hoạt động thực thi quyền con người.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Công pháp quốc tế quyền 2*, NXB Hồng Đức, năm 2022.

[2]. Khoa Luật - Đại học quốc gia Hà Nội, *Giáo trình Lý luận và pháp luật về Quyền con người (Tái bản lần hai có sửa chữa, bổ sung)*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, năm 2015.

3.62. Luật Thương mại quốc tế (71672)

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Thương mại 1

- Mô tả: Sau khi học xong học phần này, sinh viên biết được các nội dung cơ bản hoạt động thương mại quốc tế và pháp luật điều chỉnh về hoạt động thương mại quốc tế. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động thương mại quốc tế và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Thương mại quốc tế phần 1, phần 2*, NXB Hồng Đức, năm 2022.

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.63. Luật Hiến pháp nước ngoài (71772)

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Luật Hiến pháp nước ngoài, sinh viên biết được các nội dung cơ bản về Hiến pháp và hệ thống pháp luật Việt Nam. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề liên quan đến hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật nước ngoài nói riêng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Hiến pháp nước ngoài*, NXB Công an nhân dân, 2022.

3.64. Pháp luật kinh doanh bảo hiểm (71802)

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Thương mại 1

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Pháp luật kinh doanh bảo hiểm, sinh viên biết được các nội dung cơ bản về hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bạch Thị Nhã Nam, Bùi Thị Hằng Nga, *Tài liệu học tập Pháp luật Kinh doanh bảo hiểm*, NXB Đại học Quốc gia TP HCM, năm 2020.

[2]. Các văn pháp quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.65. Công tác hộ tịch (71342)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Công tác hộ tịch, sinh viên biết được các nội dung cơ bản về hộ tịch và đăng ký hộ tịch. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để xử lý các vấn đề liên quan đến hộ tịch và công tác quản lý hộ tịch một cách có hiệu quả.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Công Khanh, *Hộ tịch - Cẩm nang nghiệp vụ*, NXB Tư pháp, năm 2023.

[2]. Các văn pháp quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.66. Công tác thi hành án dân sự (71432)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật tố tụng dân sự 2

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Công tác thi hành án dân sự, sinh viên biết được các nội dung cơ bản về hoạt động thi hành án dân sự. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để xử lý các vấn đề liên quan đến công tác thi hành án dân sự.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Thi hành án dân sự Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, năm 2022.

[2]. Các văn pháp quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.67. Công chứng, chứng thực (71462)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Công chứng, chứng thực, sinh viên biết được các nội dung cơ bản hoạt động công chứng, chứng thực. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động công chứng, chứng thực đồng thời bảo vệ quyền lợi chính đáng của các cá nhân, tổ chức.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Đặng Công Tráng (Chủ biên), *Pháp luật về luật sư, công chứng, chứng thực và thừa phát lại*, NXB Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh, năm 2017.

[2]. Các văn pháp quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.68. Công tác hòa giải, tuyên truyền pháp luật (71712)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần này, sinh viên biết được các nội dung cơ bản về công tác hòa giải và tuyên truyền pháp luật. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để tham gia vào công tác hòa giải ở cơ sở đồng thời nâng cao ý thức pháp luật của người dân.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Văn Phụng, *Tập bài giảng Nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, năm 2018.

[2]. Các văn pháp quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.69. Nghiệp vụ thư ký tòa án (71812)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật tố tụng dân sự 2

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Nghiệp vụ thư ký tòa án, sinh viên biết được các nội dung cơ bản về hoạt động thư ký tòa án và các kỹ năng của thư ký tòa án trong một vụ án. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động thư ký tòa án.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Tòa án nhân dân tối cao, *Sổ tay thư ký Tòa án*, Hà Nội, năm 2020;

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.70. Quản trị hành chính văn phòng (67192)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Quản trị hành chính văn phòng, sinh viên biết được các nội dung cơ bản về quản trị hành chính văn phòng và các nghiệp vụ cơ bản của văn phòng. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động văn phòng hiệu quả.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Vương Thị Kim Thanh, Quản trị hành chính văn phòng, NXB thống kê, năm 2009.

3.71. Kỹ năng soạn thảo hợp đồng (71452)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Dân sự 2

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Kỹ năng soạn thảo văn bản, sinh viên nắm được các kỹ năng trong việc soạn thảo hợp đồng. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để thực hiện soạn thảo hợp đồng cho phù hợp với nội dung hợp đồng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Quý Lâm (tuyển chọn và hệ thống), *Tìm hiểu kinh nghiệm soạn thảo và xử lý tranh chấp khi thực hiện hợp đồng*, NXB Lao động, 2016.

[2]. Đặng Ý My, Ngô Huy Khánh, *Những vấn đề cơ bản về soạn thảo hợp đồng và bộ mẫu hợp đồng thông dụng nhất*, NXB Hồng Đức, 2020.

[3]. Trương Nhật Quang, *Pháp luật về hợp đồng: Các vấn đề pháp lý cơ bản*, NXB Dân Trí, 2020

[4]. Nguyễn Phương (hệ thống), *Hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày, soạn thảo văn bản hành chính trong các cơ quan, đơn vị - Tuyển chọn, tham khảo các mẫu hợp đồng lao động, kinh tế, dân sự thường dùng trong các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp*, NXB Thế Giới, 2020.

+ Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.72. Khởi nghiệp kinh doanh (67422)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Pháp luật đại cương (71012)

- Mô tả học phần: Sau khi học xong học phần này, người học: Hiểu được tổng quan về khởi nghiệp kinh doanh, phân tích được ý tưởng, cơ hội kinh doanh; Biết cách soạn thảo kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh. Phân tích môi trường và nhận diện được cơ hội kinh doanh; Lập được kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh; Tư duy và biết cách vận dụng, liên kết các kiến thức chuyên ngành thành thạo; Giao tiếp, thuyết trình, đối thoại, làm việc nhóm. Khách quan trong việc đánh giá kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh của doanh nghiệp; Có thể tự nghiên cứu, mở rộng kiến thức.

- Tài liệu tham khảo chính: Donald F Kuratko, *Khởi nghiệp kinh doanh - Lý thuyết, Quá trình, Thực tiễn*, NXB Hồng Đức, 2019.

3.73. Pháp chế doanh nghiệp (71752)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Thương mại 1

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Pháp chế doanh nghiệp, sinh viên biết được các nội dung cơ bản về công tác pháp chế doanh nghiệp. Biết liên hệ thực

tiền và vận dụng kiến thức đã học để kiểm soát các quy định liên quan tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp đồng thời tránh rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Lê Văn Dũng, Nguyễn Như Quỳnh, Pháp chế doanh nghiệp – Những Kỹ năng cơ bản, NXB Thanh niên, năm 2022.

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.74. Kỹ năng giải quyết các vụ án dân sự (71762)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Dân sự 2

- Mô tả: Sau khi học xong học phần kỹ năng giải quyết các vụ án dân sự, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về kỹ năng của thẩm phán trong việc giải quyết các vụ án dân sự. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề liên quan đến vụ án dân sự.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. PGS. TS Phạm Minh Tuyên, TS Nguyễn Thanh Hải và TS Đặng Thị Thơm (đồng chủ biên), *Cẩm nang giải quyết các vụ án dân sự, kinh doanh, thương mại, lao động, hôn nhân và gia đình: Hướng dẫn chi tiết và tư vấn chuyên sâu*, NXB Thanh niên, năm 2022.

[2] Học viện Tư pháp, *Kỹ năng giải quyết các vụ việc dân sự*, NXB Tư pháp, năm 2013.

[3]. Nguyễn Quang Hiền, *Giải quyết vụ việc dân sự*, NXB Lao động, năm 2022.

[4]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

3.75. Kỹ năng giao tiếp công vụ và điều hành công sở (71032)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần này, sinh viên biết được các nội dung cơ bản về kỹ năng giao tiếp công vụ và điều hành công sở. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành công sở và giao tiếp công vụ.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Thủy Linh, Việt Trinh, *Văn hóa ứng xử và nghệ thuật giao tiếp nơi công sở trong các cơ quan hành chính nhà nước, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện*, NXB Lao Động, Hà Nội, 2019

3.76. Khóa luận cuối khóa (71856)

- Số tín chỉ: 6 (0, 0, 0, 0, 360)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Khóa luận cuối khóa, sinh viên biết được các nội dung cơ bản về những quy định của pháp luật trong việc thực hiện khóa luận. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để đưa ra giải pháp để khắc phục những quy định pháp luật chưa phù hợp còn bất cập.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.77. Chuyên đề cuối khóa (71844)

- Số tín chỉ: 2 (0, 0, 0, 0, 90)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Thực tập tốt nghiệp, sinh viên biết được các nội dung cơ bản về quy định của pháp luật trong việc thực hiện thực tập. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để đưa ra những giải pháp để khắc phục những quy định pháp luật còn bất cập.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.78. Nghề luật sư và hoạt động tư vấn pháp luật (71422)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần này, sinh viên biết được các nội dung cơ bản về hoạt động hành nghề luật sư và tư vấn pháp luật. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để xử lý các tình huống pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Học viện Tư pháp, *Giáo trình Kỹ năng tư vấn pháp luật*, NXB Công an nhân dân, năm 2021.

[2]. Th.S. Nguyễn Hữu Ước, TS. Nguyễn Văn Điệp, *Tập bài giảng Luật sư và Nghề luật sư*, NXB Tư pháp, năm 2019.

[3]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.79. Luật Nhà ở và kinh doanh bất động sản (71832)

- Số tín chỉ: 2 (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Luật Thương mại 1

- Mô tả: Sau khi học xong học phần Luật Nhà ở và kinh doanh bất động sản, sinh viên biết được các nội dung cơ bản về hoạt động quản lý, sử dụng, sở hữu nhà ở và quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để xử lý các vấn đề liên quan đến nhà ở và kinh doanh bất động sản.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Lưu Quốc Thái, *Pháp luật kinh doanh bất động sản*, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, năm 2022.

[2]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.80. Các học phần điều kiện ngoại ngữ

a) General English 1 (08004)

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần General English 1 là học phần điều kiện;

Sau khi học xong học phần General English 1, sinh viên hiểu được kiến thức về giới từ chỉ sự chuyển động và vị trí, danh từ ghép và tính từ miêu tả,

kiến thức về cách dùng “some, any, much, many, a lot of, a little, a few”, mạo từ “a, an, the”, cách sử dụng so sánh hơn, so sánh nhất, và so sánh bằng, cách dùng “too, enough” và thì hiện tại hoàn thành. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển kỹ năng nghe, nói và đọc tiếng Anh qua chủ đề liên quan đến miêu tả cảnh quan ở thành thị và nông thôn, các loại phim ảnh và chương trình Ti Vi và mua sắm, và phát triển kỹ năng viết một blog miêu tả về kỳ nghỉ, viết lời phê bình về một bộ phim và viết một lá thư trang trọng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Student's Book*. 2nd Edition. Oxford University Press.

[2]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Workbook*. 2nd Edition. Oxford University Press.

b) General English 2 (08012)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần tiên quyết: General English 1(08004)

- Mô tả:

Học phần General English 2 là học phần điều kiện (Hệ thống TGUIIS có bổ sung ký hiệu D (08012D).

Sau khi học xong học phần General English 2, sinh viên hiểu được các kiến thức về chủ đề công nghệ và văn hoá vòng quanh thế giới bằng từ vựng được cung cấp trong hệ thống bài học, kiến thức về cấu trúc ngữ pháp liên quan diễn đạt sự phỏng đoán, lời hứa, đề nghị, hoặc quyết định, cách dùng của động từ khiếm khuyết. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển kỹ năng nghe, nói và đọc tiếng Anh qua các chủ đề liên quan các thiết bị kỹ thuật và đọc hiểu bài báo về lĩnh vực văn hoá truyền thống quốc tế, và phát triển kỹ năng viết một tin nhắn hướng dẫn thao tác một thiết bị công nghệ hoặc trả lời thư mời.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Student's Book*. 2nd Edition. Oxford University Press.

[2]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Workbook*. 2nd Edition. Oxford University Press.

4. Sơ đồ đào tạo toàn khóa học

Phụ lục I - Sơ đồ đào tạo toàn khóa

5. Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phụ lục II - Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

6. Hình thức học tập và phương pháp giảng dạy

Loại tín chỉ	Hình thức học tập	Phương pháp giảng dạy
Giảng lý thuyết (LT)	Nghe giảng lý thuyết; nghe giảng phương pháp thực hành, nghe hướng dẫn thực hành, viết tiểu luận, viết khóa luận, làm đồ án ở lớp học (phòng học lý thuyết). Nghe thuyết trình, thảo luận chuyên đề (thay cho nghe GV giảng lý thuyết)	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Giảng bài - Câu hỏi gợi ý - Trình bày mẫu
Thảo luận (TL)	Thảo luận (sau khi nghe giảng lý thuyết), giải bài tập, thực hành được tổ chức cùng loại hình lý thuyết ở lớp học lý thuyết, có GV hướng dẫn	<ul style="list-style-type: none"> - Tranh luận - Thảo luận - Giải quyết vấn đề - Học tập nhóm - Tương tác, phản hồi
Thực hành (TH)	Người học thao tác thực hành ở lớp, phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, xưởng trường, cơ sở thực hành, sân bãi, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập kỹ năng - Thực hành, thí nghiệm - Làm việc nhóm - Mô phỏng - Mô hình
Thực tập	Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); kiến tập, thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường	<ul style="list-style-type: none"> - Tiểu luận, khóa luận
Tự học - tự nghiên cứu	Sinh viên tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn và đánh giá.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu - Nghiên cứu tình huống - Xây dựng ý tưởng - Rèn luyện

7. Phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập

7.1. Thang điểm đánh giá

Thực hiện theo Quy định về đào tạo trình độ đại học, cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên theo phương thức tích lũy tín chỉ của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 430/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thực hiện theo Quy định về đào tạo trình độ đại học, cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên theo phương thức tích lũy tín chỉ của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 430/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành

7.3. Phương pháp đánh giá

Ma trận thể hiện quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

TT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra											
		Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
		K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
I	Đánh giá quá trình												
1	Đánh giá qua mức độ chuyên cần	x	x	x	x							x	
2	Đánh giá qua kết quả thực hiện nhiệm vụ độc lập (tự học, kiểm tra với các hình thức)	x	x	x	x		x			x			
3	Đánh giá qua kết quả thực hiện nhiệm vụ với nhóm							x		x	x		
4	Đánh giá qua thuyết trình trên lớp		x					x	x	x			
II	Đánh giá cuối kỳ												
1	Đánh giá qua kỳ thi kết thúc học phần	x	x	x	x					x		x	
2	Đánh giá qua thực hành, thực tập					x			x	x	x	x	x
3	Đánh giá qua việc thực hiện khóa luận			x	x	x				x	x	x	x
III	đánh giá khác												
1	Đánh giá qua việc tham gia các đề tài NCKH			x	x		x			x	x	x	x
2	Đánh giá qua hoạt động rèn luyện												x

Ghi chú: dấu (x) thể hiện mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và CDR của CTĐT.

8. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

8.1. Các cơ sở thực hành thực tập ngoài cơ sở đào tạo

STT	Cơ sở thực hành thực tập	Ghi chú
1	Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	
2	Viện Kiểm sát nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	
3	Cục, Chi cục Thi hành án dân sự	
4	Ủy ban nhân dân các cấp	
5	Các sở, phòng	
6	Văn phòng Công chứng	
7	Văn phòng thừa phát lại	
8	Công ty luật	
9	Doanh nghiệp	
10	Văn phòng luật sư	

8.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

a) Số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng của Trường:

- Tổng diện tích đất của trường: 400.315 m²

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 16,27 m²/sinh viên (hiện nay tổng diện tích sàn XD: 100.911,025 m²/6201 sinh viên)

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	160	18.146
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	7	2.147
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	6	1.045
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	78	9.810
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	48	3.879
1.5	Số phòng học đa phương tiện	2	180
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	19	1.085
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	4.241
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	62	11.276
Tổng:		223	33.663

b) Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thiết bị thực hành đối với ngành Luật

Số TT	Loại phòng học (Phòng thí nghiệm)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng xử án	1	60m ²	Quốc huy	1	Luật Tố tụng hành chính, Luật Tố tụng hình sự 2, Luật Tố tụng dân sự 2
				Bảng nội quy phòng xử án	1	
				Biển chức danh của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng	12	

Nhận xét chung: Cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, thực hành, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu giúp người học đạt được chuẩn đầu ra đối với ngành Đại học Luật.

8.3. Danh sách giảng viên và nhân viên hỗ trợ

a) Danh sách giảng viên toàn thời gian

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Nguyễn Trọng Hải		Tiến sĩ	Luật hiến pháp và luật hành chính		Luật
2	Lê Thị Sơn		Tiến sĩ	Triết học		Luật
3	Huỳnh Quán Chi		Tiến sĩ	Văn hóa học		Luật
4	Dương Văn Hiếu		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Luật
5	Cao Nguyên Thi		Tiến sĩ	Xây dựng		Luật
6	Đoàn Minh Nguyệt		NCS	Luật kinh tế		Luật
7	Huỳnh Thị Lệ Hoa		NCS	Luật hiến pháp và luật hành chính		Luật

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
8	Nguyễn Thị Khuyến		Thạc sĩ	Luật hình sự		Luật
9	Lê Hải Thùy Vân		Thạc sĩ	Luật		Luật
10	Nguyễn Thị Thùy Trang		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật		Luật
11	Trương Văn Tiếng		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật		Luật
12	Nguyễn Thị Băng Tuyền		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật
13	Trần Thị Bé Năm		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật
14	Mai Thị Lan Phương		Thạc sĩ	Luật quốc tế và so sánh		Luật
15	Phan Huy Lâm		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật
16	Nguyễn Minh Hằng		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật		Luật
17	Huỳnh Phong Bá		Thạc sĩ	Giáo dục quốc Phòng		Luật
18	Phan Ngọc Duyên		Thạc sĩ	Khoa học môi trường		Luật
19	Lê Thị Mỹ Xuyên		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh		Luật
20	Trần Huỳnh Thị Hương Lan		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất		Luật
21	Cao Thị Tuyết Loan		Thạc sĩ	Lý luận chính trị		Luật
22	Trần Quang Khôi		Thạc sĩ	Kinh tế		Luật
23	Lê Hoàng Ân		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Luật
24	Phan Thị Cẩm Hồng		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Luật

b) Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Huỳnh Minh Luân	Trường Đại học Công nghiệp Tp.HCM		Tiến sĩ	Luật		Luật
2	Nguyễn Thanh Bình	Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, Tiền Giang		Thạc sĩ	Luật		Luật
3	Trần Thị Hồng Ngân	Thanh tra tỉnh Tiền Giang		Thạc sĩ	Luật		Luật
4	Đỗ Văn Nghĩa	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy		Thạc sĩ	Luật		Luật
5	Phạm Tuấn Kiệt	Trường Đại học Cần Thơ		Thạc sĩ	Luật		Luật
6	Huỳnh Thị Thu Oanh	Bệnh viện Sản Nhi TWG Long An		Thạc sĩ	Luật		Luật
7	Đặng Thị Phụng	Sở Tư pháp Tiền Giang		Thạc sĩ	Luật		Luật
8	Đoàn Tấn Minh	Viện Kiểm sát tỉnh Tiền Giang		Thạc sĩ	Luật		Luật
9	Đàm Viễn Khương	Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành		Thạc sĩ	Luật		Luật
10	Nguyễn Thị Hồng Trang	Trường Đại học Thủ Dầu Một		Tiến sĩ	Luật		Luật
11	Nguyễn Thành Minh Chánh	Trường Đại học Công nghiệp Tp.HCM		Thạc sĩ	Luật		Luật
12	Nguyễn Phụng An	Trường Đại học Luật Tp.HCM		Thạc sĩ	Luật		Luật
13	Trương Kim Phụng	Trường Đại học Tây Đô		Thạc sĩ	Luật		Luật

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
14	Bùi Thanh Vũ	Văn Phòng Luật Sư Vinh Phú		Thạc sĩ	Luật		Luật
15	Nguyễn Thị Hoa Cúc	Trường Đại học Cần Thơ		Thạc sĩ	Luật		Luật
16	Nguyễn Minh Sử	Văn phòng Công chứng Lâm Thị Minh Nguyệt		Thạc sĩ	Luật		Luật

c) Danh sách đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ghi chú
1	Tổng Lê Thanh Hải		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	
2	Châu Minh Nhựt		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	

Nhận xét chung: Chương trình đủ số lượng giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng đảm bảo giảng dạy, hướng dẫn sinh viên đạt chuẩn đầu ra.

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

9.1. Tổ chức thực hiện chương trình

- Đảm bảo tính hệ thống và kết hợp mềm dẻo giữa các học phần. Sơ đồ đào tạo là kế hoạch học tập tham khảo để sinh viên thực hiện, tùy vào sức học và kế hoạch cá nhân mà sinh viên có thể tự lập kế hoạch học tập khác phù hợp với kế hoạch và năng lực học tập của sinh viên và quy định đào tạo của Trường. Nhằm định hướng ứng dụng nghề nghiệp, khi xây dựng từng học phần chú trọng đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học của sinh viên. Khi lập kế hoạch đào tạo cần xây dựng sao cho khi thực hiện lý thuyết đi đôi với thực hành.

- Chương trình Giáo dục quốc phòng: Tổ chức giảng dạy và cấp chứng chỉ theo Thông tư 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành chương trình GDQP&AN trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng và Cơ sở giáo dục đại học.

- Ngoại ngữ: Thực hiện theo Chương trình môn học tiếng Anh trình độ đại học, cao đẳng của Trường Đại học Tiền Giang.

- Ngoài số tín chỉ tích lũy tối thiểu trong chương trình đào tạo, người học phải đạt chuẩn đầu ra kỹ năng công nghệ thông tin đối với sinh viên hệ chính quy theo Quyết định số 196/QĐ-ĐHTG ngày 11 tháng 5 năm 2022 và đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ không chuyên ngữ theo quy định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ và công nhận đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ không chuyên ngữ đối với các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo dục mầm non của Trường Đại học Tiền Giang.

9.2. Phương pháp giảng dạy

Áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, kết hợp thực hành tại lớp, tổ chức tốt hoạt động học nhóm, tự thiết kế môi trường thực tập ngôn ngữ, thực tập giảng dạy ngôn ngữ, chú trọng rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

10. Thông tin cập nhật

10.1. Cơ sở phát triển chương trình

CTĐT ngành Luật được phát triển dựa trên quá trình phân tích bối cảnh thực tế và nhu cầu thị trường lao động về ngành Luật. CTĐT được xây dựng theo khung chương trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ) trên cơ sở đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ giáo dục đại học của Bộ GDĐT (Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, phòng thực hành được xây dựng theo Quy chế đào tạo trình độ Đại học của Bộ GDĐT (Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo); Quy định về việc ban hành Quy định chương trình đào tạo của Trường Đại học Tiền Giang (Quyết định số 670/QĐ-ĐHTG ngày 31/12/2021 của Trường Đại học Tiền Giang về việc ban hành Quy định chương trình đào tạo của Trường Đại học Tiền Giang).

Căn cứ trên các CTĐT đã và đang thực hiện giảng dạy tại trường Đại học Tiền Giang qua các khóa, Tổ xây dựng CTĐT đã thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về ITU, Blackbox (giảng viên) và khung Chương trình đào tạo (chuyên gia, doanh nghiệp, cựu sinh viên), đối sánh với CTĐT của các Trường Đại học trong nước, tổ đã hoàn thiện khung CTĐT ngành Luật. Chương trình đào tạo sẽ được thẩm định các cấp theo trình tự được quy định trong Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học (Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

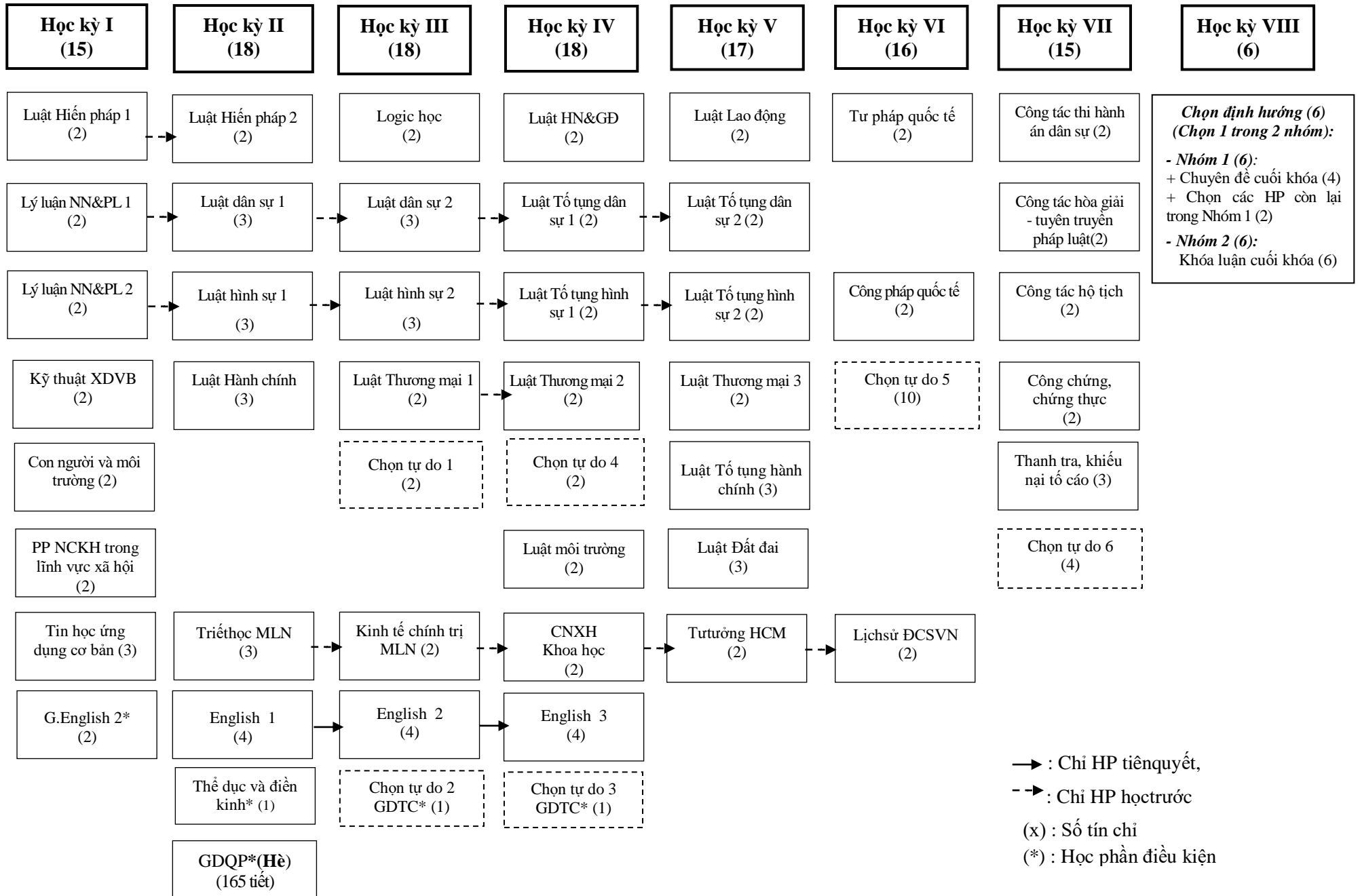
10.2. Thông tin kiểm định

Thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngoài theo lộ trình tại Kế hoạch số 415/KH-ĐHTG, ngày 12/4/2023 của Trường Đại học Tiền Giang

PHỤ LỤC I:

**SƠ ĐỒ ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA HỌC
CTĐT ĐH LUẬT**

Phụ lục I: Sơ đồ đào tạo toàn khóa học CTĐT Đại học Luật



→ : Chỉ HP tiên quyết,

-> : Chỉ HP học trước

(x) : Số tín chỉ

(*) : Học phân điều kiện

PHỤ LỤC II:

**MA TRẬN ĐỐI SÁNH GIỮA
HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CTĐT**

Phụ lục II: Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

HK	TT	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
				K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03	A04
I	1	71102	Lý luận Nhà nước và pháp luật 1		x			x		x	x	x	x			x
	2	71112	Lý luận Nhà nước và pháp luật 2		x			x		x	x	x	x			x
	3	73552	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực xã hội	x				x		x	x	x	x			
	4	71292	Luật Hiến pháp 1		x		x	x		x	x		x			x
	5	71022	Kỹ thuật xây dựng văn bản	x								x	x			
	6	11902	Con người và môi trường	x				x		x	x		x			
	7	30053	Tin học ứng dụng cơ bản	x												
	8	08012	General English 2*	x					x				x			
II	9	71302	Luật Hiến pháp 2		x		x	x		x	x	x	x			x
	10	71463	Luật Hành chính		x	x	x	x		x	x	x	x			x
	11	71483	Luật Dân sự 1		x	x		x		x	x	x	x			x
	12	71503	Luật Hình sự 1		x	x		x		x	x	x	x			x
	13	08024	English 1	x					x				x			
	14	00033	Triết học Mác-Lênin	x				x		x	x	x	x			
	15	12371	Thế dục và điền kinh*	x												
	16		Giáo dục quốc phòng và an ninh*	x				x					x			

HK	TT	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
				K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03	A04
III	17	00202	Logic học	x				x		x	x	x	x			
	18	71493	Luật Dân sự 2		x	x		x		x	x	x	x			x
	19	71513	Luật Hình sự 2		x	x		x		x	x	x	x			x
	20	71532	Luật Thương mại 1		x	x	x	x		x	x	x	x			x
	21	01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	x				x					x			
	22	08034	English 2	x					x				x			
	23		Nhóm HP chọn tự do 1		x	x	x	x		x	x	x	x			x
	24		Nhóm HP chọn tự do 2 (GDTC*)	x						x			x			
IV	25	71642	Luật Hôn nhân và Gia đình		x	x		x		x	x	x	x			x
	26	71573	Luật Tổ tụng hành chính		x	x		x		x	x	x	x			x
	27	71582	Luật Tổ tụng dân sự 1		x	x		x		x	x	x	x			x
	28	71602	Luật Tổ tụng hình sự 1		x	x		x		x	x	x	x			x
	29	71542	Luật Thương mại 2		x	x		x		x	x	x	x			x
	30	2112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x				x					x			
	31	08043	English 3	x					x				x			
	32	71272	Luật Môi trường		x	x		x		x	x	x	x			x
	33		Nhóm HP chọn tự do 3 (GDTC*)	x						x			x			

HK	TT	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
				K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03	A04
	34		Nhóm HP chọn tự do 4		x	x		x		x	x	x	x			x
V	35	71193	Luật Lao động		x	x		x		x	x	x	x			x
	36	71592	Luật Tố tụng dân sự 2		x	x		x		x	x	x	x			x
	37	71612	Luật Tố tụng hình sự 2		x	x		x		x	x	x	x			x
	38	71552	Luật Thương mại 3		x	x		x		x	x	x	x			x
	39	71562	Luật Tố tụng hành chính		x	x		x		x	x	x	x			x
	40	71263	Luật Đất đai		x	x		x		x	x	x	x			x
	41	03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x				x					x			x
VI	42	71662	Tư pháp quốc tế		x	x		x		x	x	x	x			x
	43	71683	Công pháp quốc tế		x	x		x		x	x	x	x			x
	44		Nhóm HP chọn tự do 5		x	x		x		x	x	x	x			x
	45	03022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x				x					x			x
VII	46	71683	Thanh tra, khiếu nại tố cáo		x	x		x		x	x	x	x			x
	47	71342	Công tác hộ tịch		x	x		x		x	x	x	x	x	x	x
	48	71432	Công tác thi hành án dân sự		x	x		x		x	x	x	x	x	x	x
	49	71462	Công chứng, chứng thực		x	x		x		x	x	x	x	x	x	x
	50	71712	Công tác hòa giải, tuyên truyền pháp luật		x	x		x		x	x	x	x	x	x	x

HK	TT	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
				K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03	A04
	51		Nhóm HP chọn tự do 6		x	x		x		x	x	x	x			x
VIII	52	71844	Chuyên đề cuối khóa				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	53	71832	Luật Nhà ở và kinh doanh bất động sản				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	54	71422	Nghề luật sư và hoạt động tư vấn pháp luật				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	55	71876	Khóa luận tốt nghiệp				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Ghi chú: dấu (x) thể hiện học phần có hỗ trợ đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo